

Chi tiết mã HS 8445.13.00

Mã HS	8445.13.00
Mô tả hàng hóa	Máy chuẩn bị xơ sợi dệt; máy kéo sợi, máy đàu sợi hoặc máy xe sợi và các loại máy khác dùng cho sản xuất sợi dệt; máy guồng hoặc máy đánh ống sợi dệt (kể cả máy đánh suốt sợi ngang) và các loại máy chuẩn bị sợi dệt dùng cho máy thuộc nhóm 84.46 hoặc 84.47 / - Máy chuẩn bị xơ sợi dệt: / - - Máy ghép cúi hoặc máy sợi thô
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 00:53:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84451300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13938
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13938
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13938
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
-----	-------------	-----------	----------------	----	------------------	---------	------------

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13255
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13196
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13196
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13196
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13196
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13196
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13196
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13250
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13250
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13250
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13250

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13250
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13250
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13251
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13251
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13251
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13251
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13251
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13251
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13254
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13202
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13210
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13210
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13210
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13210
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13210
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13210
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13241
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13241
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13241
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13241
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13241
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13241
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13290
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13290
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13290
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13290

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13290
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13290
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13273
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13273
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13273
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13273
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13273
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13273
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13273
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13273
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13273
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13273
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13273
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13273
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13288
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13288
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13288
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13288
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13288
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13288
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13287
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13287
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13287
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13287
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13287
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13287

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13267
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13267
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13267
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13267
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13267
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13267
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13267
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13275
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13275
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13275
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13275
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13275
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13275
RCEP B	2022	2022	0	B!D13275
RCEP B	2023	2023	0	B!E13275
RCEP B	2024	2024	0	B!F13275
RCEP B	2025	2025	0	B!G13275
RCEP B	2026	2026	0	B!H13275
RCEP B	2027	2027	0	B!I13275
RCEP C	2022	2022	0	C!D13275
RCEP C	2023	2023	0	C!E13275
RCEP C	2024	2024	0	C!F13275
RCEP C	2025	2025	0	C!G13275
RCEP C	2026	2026	0	C!H13275
RCEP C	2027	2027	0	C!I13275
RCEP D	2022	2022	0	D!D13274

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13274
RCEP D	2024	2024	0	D!F13274
RCEP D	2025	2025	0	D!G13274
RCEP D	2026	2026	0	D!H13274
RCEP D	2027	2027	0	D!I13274
RCEP E	2022	2022	0	E!D13278
RCEP E	2023	2023	0	E!E13278
RCEP E	2024	2024	0	E!F13278
RCEP E	2025	2025	0	E!G13278
RCEP E	2026	2026	0	E!H13278
RCEP E	2027	2027	0	E!I13278
RCEP F	2022	2022	0	F!D13275
RCEP F	2023	2023	0	F!E13275
RCEP F	2024	2024	0	F!F13275
RCEP F	2025	2025	0	F!G13275
RCEP F	2026	2026	0	F!H13275
RCEP F	2027	2027	0	F!I13275
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12316
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12316
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12316
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12316

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
-----------	-----	------------	-------	-------------------	----------------	-------------	---------------------

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8445.13.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8445.13.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bằng tương quan mã cũ-mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8445.13.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8445.13.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13938), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.